

Số: /UBND-NN

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

V/v báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2021-2025.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

Ngày 08/01/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa có công văn số 71/ SNN&PTNT-TT&BVTV về việc báo cáo đánh giá kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2016-2020 và định hướng giai đoạn 2021- 2025. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn huyện như sau:

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; Huyện ủy Triệu Sơn đã tổ chức hội nghị triển khai đến cán bộ chủ chốt của huyện, xã và cơ quan, đơn vị liên quan đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt đến cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh và nhân dân trên địa bàn huyện.

UBND huyện đã xây dựng Phương án số 1278/QĐ-UBND ngày 7/9/2016 về chuyển đổi đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản để có hiệu quả kinh tế cao hơn trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016- 2020; ban hành Quyết định số 11968/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 về việc ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2017- 2021 và nhiều văn bản chỉ đạo khác.

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị- xã hội từ huyện đến xã; chủ các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh đã xây dựng phương án, kế hoạch, công văn đôn đốc thực hiện . Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện.

Sau 5 năm thực hiện chuyển đổi đất lúa sang trồng các cây trồng khác và các văn bản có liên quan của tỉnh, huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức từ huyện đến xã đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hiệu quả kinh tế của chuyển đổi, có nhiều giải pháp tổ chức thực hiện các mục tiêu Nghị quyết, góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế của huyện thời gian qua.

### **2. Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2016-2020**

Kết quả từ năm 2016 - 2020 toàn huyện đã chuyển đổi 2.067,6 ha đất trồng lúa sang cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản, đạt 87,9 KH tỉnh

giao 2.350 ha, gồm: Ngô 411,6 ha, mía 57,1 ha, ớt 185 ha, cây thức ăn gia súc 50,6 ha, hoa cây cảnh 260,9 ha, cây ăn quả 173,4 ha, rau màu 232,9 ha, cây hàng năm khác 121,1 ha, lúa cá 520,7 ha, cây khác 54,4 ha.

*(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)*

### **3. Hiệu quả kinh tế của các cây trồng trên đất trồng lúa chuyển đổi**

- Mô hình chuyển sang trồng ớt xuất khẩu tại các xã: Khuyến Nông, Tiến Nông, Thọ Phú, Vân Sơn, doanh thu đạt 160-340 triệu đồng/ha/năm, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 100 - 260 triệu đồng/ha/năm, cao gấp 5 - 10 lần so với trồng lúa.

- Mô hình chuyển sang trồng rau màu các loại tại các xã Tiến Nông, Khuyến Nông, Nông Trường, Thọ Tân, Hợp Tiến, doanh thu cả năm đạt 130-200 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 50 - 60 triệu đồng/ha, cao gấp 3 - 5 lần so với trồng lúa.

- Mô hình chuyển sang trồng dược liệu tại các xã: Thái Hòa, Khuyến Nông, doanh thu cả năm đạt 500 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 200 triệu đồng/ha, cao gấp 10 - 15 lần so với trồng lúa.

- Mô hình chuyển sang trồng cây ăn quả tại xã: Thọ Thế, Đồng Lợi, Thọ Vực, Thọ Phú, doanh thu cả năm đạt 300 - 400 triệu đồng/ha/năm, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 100 - 200 triệu đồng/ha/năm, cao gấp 5 - 10 lần so với trồng lúa.

- Mô hình chuyển sang trồng cây cảnh tại các xã: Hợp Lý, Hợp Tiến, Thọ Tân, Xuân Thọ, doanh thu cả năm đạt 500 - 600 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 250 - 300 triệu đồng/ha, cao gấp 15 - 20 lần so với trồng lúa.

- Mô hình chuyển sang nuôi cá kết hợp trồng lúa tại xã: Xuân Lộc, Thọ Tiến, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Xuân Thọ doanh thu cả năm đạt 100 - 150 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 50 - 70 triệu đồng/ha, cao gấp 5 - 7 lần so với trồng lúa.

### **4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.**

#### **4.1. Thuận lợi**

- Sản xuất trồng trọt tăng trưởng khá; năng suất, chất lượng, hiệu quả hầu hết các loại cây trồng đều tăng: tốc độ tăng trưởng tăng so với năm trước, Năng suất, chất lượng, hiệu quả hầu hết các loại cây trồng đều tăng; cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực, chuyển từ cây trồng có hiệu quả thấp sang các cây trồng có hiệu quả cao hơn.

- Hình thành nhiều vùng chuyên canh hàng hoá tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ, như: Vùng trồng lúa năng suất chất lượng hiệu quả cao, vùng trồng ớt xuất khẩu, vùng trồng mía nguyên liệu, vùng trồng hoa cây cảnh, vùng trồng rừng gỗ nguyên liệu chế biến. Đã xuất hiện mô hình tích tụ đất để tổ chức sản xuất quy mô lớn, như: mô hình sản xuất cây dược liệu ở Thái Hòa, Khuyến

Nông; mô hình sản xuất lúa giống tại xã Vân Sơn, Đồng Tiến do Công ty cổ phần Mía đường Lam sơn thuê ruộng của nông dân để sản xuất.

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm của tỉnh, huyện nên đã thu hút được doanh nghiệp vào đầu tư liên kết với bà con nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; mô hình liên kết sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao được nhân rộng; nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị sản xuất, hạn chế được tình trạng “được mùa, mất giá”.

- Việc tích tụ, tập trung ruộng đất được tiếp tục được khuyến khích thực hiện góp phần từng bước giải quyết tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, tạo vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn; hoàn chỉnh bờ vùng, bờ thửa, hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng. Mở rộng diện tích xây dựng cánh đồng mẫu lớn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường được phổ biến và nhân rộng.

#### 4.2. Khó khăn

- Mặc dù công tác đổi điền dồn thửa, tích tụ ruộng đất được khuyến khích thực hiện, song nhiều diện tích các thửa ruộng vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ chưa tạo được nhiều vùng sản xuất quy mô lớn; chuyển dịch cơ cấu cây trồng còn chậm; xây dựng cánh đồng mẫu lớn, phục vụ sản xuất hàng hóa còn chậm.

- Sản xuất nông nghiệp chưa thực sự ổn định; chuỗi sản xuất chưa hoàn chỉnh, chưa rõ nét; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều và chậm nhân rộng.

- Sản xuất nông nghiệp mới chỉ tập trung khai thác tiềm năng sẵn có (đất đai, tài nguyên nước, lâm sản, thủy sản,...) mà chưa quan tâm nhiều đến sự kết hợp hài hòa giữa khai thác và bảo vệ các tiềm năng phục vụ phát triển lâu dài, bền vững.

- Công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch chưa được quan tâm đầu tư phát triển nên sức cạnh tranh nông sản còn hạn chế; phần lớn nông sản đang được tiêu thụ ở dạng thô, giá trị gia tăng thấp, chưa được quan tâm xây dựng thương hiệu; công tác tìm kiếm và định hướng thị trường chưa tốt.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT để Sở tổng hợp và có biện pháp chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Phú Quốc**

**Biểu 1: Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2020**

STT	Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi	Thực hiện: Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			Thời gian chuyển đổi (vụ/năm)
		Tổng	2 vụ lúa	1 vụ lúa	
<b>Tổng</b>		<b>405,1</b>	<b>361,58</b>	<b>43,6</b>	
<b>I</b>	<b>Trồng cây hàng năm</b>	<b>180,2</b>	<b>152,18</b>	<b>28</b>	
1	Ngô	42,2	22,2	20	1 vụ/ năm
2	Ớt	28,3	28,3		1 vụ/ năm
3	Rau	52,7	52,7		2 vụ/ năm
4	Mía	0,88	0,88		2 vụ/ năm
5	Cây TĂGS	24,6	24,6		1 vụ/ năm
6	Cây khác	31,5	23,5	8	1 vụ/ năm
<b>II</b>	<b>Trồng cây lâu năm</b>	<b>116</b>	<b>100,4</b>	<b>15,6</b>	
1	Cam	6,4	6,4		2 vụ/ năm
2	Bưởi	32	32		2 vụ/ năm
3	Ổi	10	10		2 vụ/ năm
4	Mít	4	4		2 vụ/ năm
5	Hoa cây cảnh	62,6	47	15,6	
<b>III</b>	<b>Nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa</b>	<b>109,1</b>	<b>109,1</b>		
1	Lúa - cá	109,1	109,1		2 vụ/ năm

**Biểu 2: Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2016-2020**

STT	Cây trồng/thủy sản trên đất trồng lúa	Diện tích cây trồng trên đất lúa chuyển đổi (ha)				
		2016	2017	2018	2019	2020
<b>Tổng (I+II+III)</b>		<b>146,82</b>	<b>634,65</b>	<b>486,4</b>	<b>395</b>	<b>405,1</b>
<b>I</b>	<b><i>Chuyển sang trồng cây hàng năm</i></b>	<b>121,62</b>	<b>301,85</b>	<b>286</b>	<b>225,25</b>	<b>180,1</b>
1	Ngô	42,62	82,33	156	88,2	42,2
2	Ớt	46	54	43	14	28,3
3	Rau	27,59	62,6	23,2	66,81	52,7
4	Mía	3,5	35,6	7,7	9,7	0,88
5	Cây TĂGS	10,7	11,5	9	5,5	24,6
6	Cây hàng năm khác	29,5	56,1	39,5	22,1	28,5
<b>II</b>	<b><i>Chuyển sang trồng cây lâu năm</i></b>	<b>14,5</b>	<b>105,7</b>	<b>119,4</b>	<b>76,9</b>	<b>116</b>
1	Cam		10	6,2	5,2	8
2	Bưởi		20,7	15	13,2	13,5
3	Ổi		10	11	13	20,4
4	Mít				10	11,3
5	Hoa, cây cảnh	14,5	65	83,2	35,7	62,6
<b>III</b>	<b><i>Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i></b>	<b>10,7</b>	<b>227,1</b>	<b>81</b>	<b>92,85</b>	<b>109</b>
1	Lúa - cá	10,7	227,1	81	92,85	109

**Biểu 3: Kế hoạch diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2021-2025**

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng lúa nương
<b>I</b>	<b>Hiện trạng đất trồng lúa đến năm 2020 của huyện</b>	9500	9500		
<b>II</b>	<b>Nhu cầu chuyển đổi đất trồng lúa giai đoạn 2021-2025</b>	3.000	3.000		
<b>1</b>	<b><i>Chuyển sang trồng cây hàng năm giai đoạn 2021-2025</i></b>	125	125		
1,2	Năm 2021	165	165		
1,2	Năm 2022	185	185		
1,3	Năm 2023	230	230		
1,4	Năm 2024	195	195		
1,5	Năm 2025	200	200		
1,6	Định hướng đến 2030	950	950		
<b>2</b>	<b><i>Chuyển sang trồng cây lâu năm giai đoạn 2021-2025</i></b>	105	105		
2,1	Năm 2021	138	138		
2,2	Năm 2022	153	153		
2,3	Năm 2023	190	190		
2,4	Năm 2024	164	164		
2,5	Năm 2025	200	200		
2,6	Định hướng đến 2030	1850	1850		
<b>3</b>	<b><i>Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025</i></b>	185	185		
3,1	Năm 2021	247	247		
3,2	Năm 2022	276	276		
3,3	Năm 2023	345	345		
3,4	Năm 2024	297	297		
3,5	Năm 2025	500	500		
3,6	Định hướng đến 2030	1.100	1.100		
<b>III</b>	<b>Định hướng nhu cầu chuyển đổi đất trồng lúa đến năm 2030</b>	125	125		

**Biểu 4: Kế hoạch diện tích các loại cây trồng trên đất trồng lúa chuyển đổi giai đoạn 2021-2025**

STT	Chỉ tiêu	Diện tích cây trồng trên đất lúa chuyển đổi (ha)				
		2021	2022	2023	2024	2025
<b>Tổng (I+II+III)</b>						
<b>I</b>	<b><i>Chuyển sang trồng cây hàng năm</i></b>	125	165	185	230	195
1	Ngô	30	40	45	50	50
2	lạc	10	10	20	20	30
3	Ớt	40	45	40	50	30
4	Rau màu	20	30	50	50	30
5	Cây hàng năm khác	10	20	10	30	25
6	Cây TAGS	15	20	20	30	30
<b>II</b>	<b><i>Chuyển sang trồng cây lâu năm</i></b>	105	138	153	190	164
1	Cam	15	30	35	40	30
2	Bưởi	20	20	35	40	35
3	cây cảnh	20	28	30	40	35
4	Mít, dứa	20	30	30	40	30
5	Ôi	30	30	23	30	34
<b>III</b>	<b><i>Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i></b>	1.550	1.255	295	1.550	1.255
1	Lúa - cá	1.550	1.255	295	1.550	1.255